TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **130**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 12 - 2019.
Về việc tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 205/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Lê Văn C**, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Phạm Thị A**, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 10/9/2019, bản tự khai ngày 07/10/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà A sống chung với nhau vào năm 1988 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận vào năm 2002. Thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên tạo ra mâu thuẫn và bất đồng quan niệm trong cuộc sống cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, bà A thường ghen tuông vô cớ, từ đó hạnh phúc vợ chồng dần mất đi không thể hàn gắn lại được, dù ông đã nhiều lần cho cơ hội sửa đổi nhưng vẫn không được nên đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay, không còn sống chung nhà với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà A.

- *Về nuôi con chung:* Có 04 con chung tên:

1. Lê Thị Hồng N, sinh ngày 15/02/1990

2. Lê Ngọc T, sinh ngày 14/01/1992

3. Lê Thị Hồng N, sinh ngày 02/6/1994

4. Lê Minh T, sinh ngày 19/01/2000.

Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, nên ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

- **Tại phiên Tòa:** Ông C vẫn giữ yêu cầu khởi kiện không thay đổi gì.

* Đối với bà Phạm Thị A là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt, mặc dù bà vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của bà.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

- Về *tuân theo pháp luật tố tụng :*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn bà Phạm Thị A vắng mặt không lý do là không tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C đối với bà A.

- Về con chung: Đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Lê Văn C và bà Phạm Thị A sống chung với nhau vào năm 1988 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận, huyện Bình Đại vào năm 2002 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà A được công nhận hợp pháp.

Nay ông C yêu cầu ly hôn, bà A không đồng ý ly hôn nên từ chối không nhận văn bản gì của Tòa án. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng của ông bà đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cự cãi với nhau về vấn đề tiền bạc, bà A thường ghen tuông dù ông khuyên năn nhưng bà không thay đổi tính tình, nên hạnh phúc vợ chồng dần mất đi không hàn gắn lại được. Chính vì vậy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay, không còn sống chung nhà với nhau.

Hơn nữa, Toà án đã tiến hành mời ông bà để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn lại tình cảm, nhưng bà A vắng mặt không lý do, cho thấy bà A đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa ông C và bà A đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông C là có căn cứ và phù hợp theo

quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung: Trong quá trình sống chung giữa ông C và bà A có 04 con chung tên:

1. Lê Thị Hồng N, sinh ngày 15/02/1990

2. Lê Ngọc T, sinh ngày 14/01/1992

3. Lê Thị Hồng N, sinh ngày 02/6/1994

4. Lê Minh T, sinh ngày 19/01/2000.

Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động, ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về tài sản chung:* Ông C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về nợ chung:* Ông C khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn C đối với bà Phạm Thị A.

Cho ly hôn giữa ông Lê Văn C và bà Phạm Thị A.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn C và bà Phạm Thị A chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Các con chung đều thành niên và có khả năng lao

động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Ông C khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006006 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, ông Lê Văn C đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Phạm Thị A vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thới Thuận (Số 537, ngày 17/12/2002);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên